TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6 - ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **07**/2026/KDTM-ST
Ngày: 10-6-2026
V/v: *"Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 – ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Thể.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà Võ Thị Hồng Hải.

2/ Bà Lưu Thị Thanh Hương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Hồng Tiếp, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 – Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quân – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2026, tại Hội trường Tòa án nhân dân khu vực 6 – Đà Nẵng mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 08/2025/TLST–KDTM ngày 14/11/2025 về việc *"Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 199/2026/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 4 năm 2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 1002/QĐXXST-KDTM ngày 22/5/2026, giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà Võ Thị Bích C, sinh năm 1988 (Hộ kinh doanh cá thể).

Địa chỉ: Thôn P, xã T, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

- *Bị đơn:* Hợp tác xã dịch vụ Nông nghiệp B. Người đại diện theo pháp luật ông Trương Ký T- Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc. Địa chỉ trụ sở: Tổ 5/2, thôn H, xã T, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn - bà Võ Thị Bích C trình bày:* Bà là chủ Hộ kinh doanh cá thể có đăng ký kinh doanh về việc mua bán thuốc thú y, dụng cụ thú y, giống cây trồng, con vật nuôi và thức ăn chăn nuôi, phân bón,… theo Giấy phép Đăng ký kinh doanh số 33H8006230, đăng ký lần đầu ngày 26/6/2018 và đăng ký thay đổi lần 1 ngày 26/12/2022. Vào tháng 12 năm 2024, hộ kinh doanh của bà có ký hợp đồng bán lúa giống cho Hợp tác xã nông nghiệp B theo hợp đồng kinh tế số 01/2023/HĐKT ngày 06/12/2024, do ông Trương Ký T là giám đốc hợp tác xã ký và ông T đã nhận đủ số lượng lúa giống theo thỏa thuận tại hợp đồng. Tổng số tiền lúa giống là 242.200.000 và tiền mua phân bón là 5.690.000 đồng; tổng cộng số tiền là 247.890.000 đồng.

Ông T đã trả được số tiền 220.355.000 đồng, số tiền còn nợ lại là 27.535.000 đồng. Số nợ này đến nay Hợp tác xã dịch vụ B để thời gian quá lâu và bà đã liên hệ nhiều lần nhưng đại diện Hợp tác xã B vẫn không trả nợ cho bà. Vì vậy, bà C khởi kiện yêu cầu Hợp tác xã Nông nghiệp B phải trả cho bà số tiền nợ trên và bà không yêu cầu tính lãi.

- Bị đơn – Hợp tác xã dịch vụ Bdo ông Trương Ký T đại diện theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng người đại diện hợp pháp của bị đơn đều vắng mặt không có lý do nên Tòa án không thể tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được. Tại phiên tòa, bị đơn tiếp tục tiếp tục vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Đà Nẵng phát biểu quan điểm:

+ Về việc tuân theo pháp luật: Từ khi thụ lý vụ án Thẩm phán, Thư ký Tòa án và Hội đồng xét xử được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục do Bộ luật Tố tụng dân sự quy định.

+ Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc Hợp tác xã dịch vụ Nông nghiệp B phải có nghĩa vụ trả cho bà Võ Thị Bích C số tiền còn nợ là 27.535.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Trụ sở của bị đơn – Hợp tác xã dịch vụ B tại tổ 5/1, thôn H, xã T, thành phố Đà Nẵng; nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền còn nợ là 27.535.000 đồng, nên đây là quan hệ tranh chấp về *"Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền"* thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 6 – Đà Nẵng theo quy định tại khoản 1 Điều 30, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

[2] Xét nội dung giao dịch của các bên đương sự thì thấy: Ngày 06/12/2024, hộ kinh doanh Võ Thị Bích C và Hợp tác xã dịch vụ Nông nghiệp B ký hợp đồng kinh tế số 01/2023/HĐKT về việc mua giống vụ Đông – Xuân năm 2024, 2025. Trong quá trình thực hiện hợp đồng đến ngày 06/8/2025, người đại diện theo pháp luật của Hợp tác xã dịch vụ Nông nghiệp B là ông Trương Ký Tký giấy xác nhận số tiền còn nợ là 27.535.000 đồng và cam kết đến ngày 10/9/2025 sẽ trả dứt điểm số tiền trên. Do vi phạm thời hạn trả nợ nên bà C khởi kiện yêu cầu Hợp tác xã dịch vụ Nông nghiệp B trả nợ. Xét thấy, việc ký kết hợp đồng giữa các bên được thực hiện trên cơ sở tự nguyện và tự thỏa thuận, có nội dung và hình thức phù hợp với quy định tại Điều 117 của Bộ luật dân sự nên có hiệu luật pháp luật. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông Trương Ký T là người đại diện theo pháp luật của Hợp tác xã dịch vụ Nông nghiệp B đã nhận đủ hàng theo biên bản nghiệm thu và giao nhận ngày 09/12/2024, ngày 12/12/2024. Đến ngày 08/6/2025, ông T viết giấy xác nhận số tiền còn nợ lại đến nay chưa trả là 27.535.000 đồng. Vì vậy, bà C khởi kiện yêu

cầu Hợp tác xã dịch vụ Nông nghiệp B trả nợ là có căn cứ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các thông báo về việc mở phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông Tvắng mặt không có lý do và không có văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Do đó, căn cứ quy định tại Điều 34 và 50, 55, 297 Luật thương mại; Điều 430, 440, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 buộc Hợp tác xã dịch vụ Nông nghiệp B phải trả cho bà Võ Thị Bích C số tiền còn nợ là 27.535.000 đồng.

[3.] Về lãi suất: Nguyên đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

[4] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5, khoản 1 Điều 30, Điều 35, Điều 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 34 và 50, 55, 297 Luật thương mại; Điều 430, 440, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Võ Thị Bích C đối với bị đơn Hợp tác xã dịch vụ Nông nghiệp B về việc "*Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền*".

1. Buộc Hợp tác xã dịch vụ Nông nghiệp B phải có nghĩa vụ trả cho bà Võ Thị Bích C số tiền là 27.535.000 đồng *(Hai mươi bảy triệu năm trăm ba mươi lăm nghìn đồng).*

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Số tiền **3.000.000 đồng** *(Ba triệu đồng)*, buộc Hợp tác xã dịch vụ Nông nghiệp B phải chịu. Hoàn trả cho bà Võ Thị Bích C số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 1.500.000 đồng *(Một triệu năm trăm nghìn đồng)* theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005542 ngày 14/11/2025 tại Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 10/6/2026), bị đơn vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tp. Đà Nẵng;
- VKSND khu vực 6-Đà Nẵng;
- Phòng THADS khu vực 6-Đà Nẵng;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, án văn.

THẨM PHÁN
(Đã ký)

Võ Văn Thể

TAND KHU VỰC 6

JA3100626.TL.QDBA 1062